TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 328/2020/DS - ST
Ngày 28-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán điện

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thanh Hồng;

Bà Châu Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 về "tranh chấp hợp đồng mua bán điện" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH; trụ sở: đường T, phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn Đ, là đại diện ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 239/UQ–PCGV-QLTG ngày 09/6/2020); địa chỉ: đường L, Phường S, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1959; địa chỉ: Đường B, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – ông Nguyễn Tuấn Đ trình bày:

Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH (sau đây gọi tắt là Công ty), chi nhánh là Công ty Đ Gò Vấp có ký hợp đồng mua bán điện số 79764115005070 ngày 30/9/2015 với bà Trần Thị T, địa chỉ: Đường số B, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình sử dụng điện bà T đã không thanh toán 01 kỳ tiền điện tháng 11/2019 (kỳ 12/19) với số tiền như sau: 1.291.841 đồng (bao gồm 1.202.741 đồng tiền điện và 89.100 đồng chi phí ngừng cấp điện).

Phía Công ty đã nhiều lần gởi thông báo thanh toán tiền điện nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Do đó, Công ty đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ cho Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền 1.291.841 đồng.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không có mặt tại phiên tòa và cũng không có lý do chính đáng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Việc chấp hành pháp luật của người tham

gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH, thì đây là vụ án tranh chấp dân sự, bị đơn là bà Trần Thị T có địa chỉ tại số Đường số B, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng mua bán điện" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Nguyễn Tuấn Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Theo hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt giữa Công ty Đ Gò Vấp là chi nhánh của Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH và bà T ký ngày 30/9/2015, mã số 79764115005070 - PE13000219998 phía Công ty đã cung cấp điện để khách hàng sử dụng. Đến tháng 11/2019 bà T không thanh toán tiền nên Công ty ngừng cung cấp điện.

Căn cứ vào hóa đơn tiền điện đợt 1, tháng 11/2019, kỳ 12/2019 từ ngày 22/10/2019 đến ngày 21/11/2019 thì khách hàng Trần Thị T có điện năng tiêu thụ là 463 kwh, số tiền là 1.202.741 đồng.

Do bà T không thanh toán tiền điện theo đúng thời hạn, Công ty đã ngừng cung cấp điện, chi phí ngừng cung cấp điện là 89.100 đồng.

Tổng số tiền nợ mà bà T phải trả là 1.291.841 đồng.

Phía Công ty đã tiến hành các thủ tục thông báo về thời hạn thanh toán tiền điện vào các ngày 21/11/2019, 04/12/2019 và 09/12/2019, thông báo thời điểm

ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán và thông báo ngừng cung cấp điện tại địa chỉ sử dụng điện.

Xét thấy, bà T không thanh toán tiền điện cho Công ty là vi phạm Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số hợp đồng 79764115005070 - PE13000219998 được xác lập giữa bà T và Công ty. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc buộc bà T có nghĩa vụ trả cho Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền 1.291.841 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 190, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 438, 518, 520, 523, 524, 525 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các điều 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH.

Buộc bị đơn bà Trần Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền 1.291.841 đồng (một triệu hai trăm chín mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi mốt đồng) phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt mã số 79764115005070 - PE13000219998

ngày 30/9/2015 được ký giữa Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH và bà Trần Thị T.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0026476 ngày 30/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Viễn Thoa